

Bản án số: 44A/2022/DS-ST  
Ngày: 20/4/2022  
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Bàng**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Nguyễn Tấn Thúc**

**Ông Trần Đức Hiếu**

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Văn Thoảng - Thư ký, Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 20 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 126/2021/TLST-DS ngày 24 tháng 11 năm 2021 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2022/QĐST-DS ngày 22/3/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2022/QĐHPT-DS ngày 05/4/2022 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP EX Địa chỉ: Đường T, phường B, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Tấn L, chức vụ Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Chí T – chức vụ: Trưởng phòng khách hàng cá nhân Ngân hàng TMCP EX – Chi nhánh H; Địa chỉ: Đường L, quận K, thành phố Đà Nẵng (theo giấy ủy quyền số 164/2021/EIB/UQ-TGD ngày 28/9/2021 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP EX và giấy ủy quyền số 279/2021/EIBHV/UQ-GĐ của giám đốc Ngân hàng TMCP EX –chi nhánh H). Ông T có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1965; Địa chỉ: đường D, phường P, quận C, TP Đà Nẵng. Vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\*Trong đơn khởi kiện ghi ngày 12/10/2021 của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP EX và các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Nguyễn Chí T trình bày:*

Ngày 17/9/2015 ông Nguyễn Văn C có ký kết với Ngân hàng TMCP EX hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế (bao gồm Giấy đề nghị phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế và bản thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của Ngân hàng - đơn vị phát hành thẻ, các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng).

Căn cứ vào hợp đồng và thu nhập của ông C, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng quốc tế Eximbank – Visa Gold cho ông C (số thẻ VG772838) với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng. Mục đích sử dụng tiêu dùng cá nhân, lãi suất trong hạn là 28,2%/năm (tương đương 2,35%/tháng) và được Ngân hàng điều chỉnh phù hợp với quy định của Ngân hàng nhà nước về lãi suất cho vay. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông C đã thực hiện nhiều giao dịch mua hàng và rút tiền và cũng đã thanh toán đều đặn để tiếp tục sử dụng thẻ từ năm 2015 đến tháng 6/2021.

Từ tháng 6/2021 ông C liên tục trễ hạn thanh toán thẻ tín dụng và Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, nhắc nhở nhưng ông C không có thiện chí trả nợ. Do ông C vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của Ngân hàng), đến cuối tháng 6/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ (bằng hình thức khóa thẻ) (Điều 6 của Bản thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của Ngân hàng) với dư nợ cuối tháng 6/2021 của ông C là 40.872.441 đồng.

Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu ông C có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ cần phải thanh toán tối thiểu, tuy nhiên ông C không hợp tác và chưa thanh toán khoản nợ thẻ tín dụng quá hạn cho Ngân hàng, không có thiện chí trả nợ, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết để thu hồi nợ.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị Tòa án xem xét, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể buộc Nguyễn Văn C phải thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi và các khoản phí phát sinh theo Hợp đồng tín dụng nêu trên, tạm tính đến ngày 23/3/2022 là 56.096.809 đồng (bao gồm phí trễ hạn, phí vượt hạn mức, lãi và phí thường niên) đồng thời yêu cầu ông C phải tiếp tục chịu lãi từ ngày 24/3/2022 cho đến khi thanh toán dứt điểm toàn bộ khoản nợ theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng nêu trên. Ông C phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

\* **Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn C:** mặc dù đã được Tòa án triệu tập và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông C chỉ tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ nhất rồi bỏ về, sau đó không tham gia các phiên họp sau, không đến Tòa án để làm

việc, vắng mặt không có lý do và không văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1.] Về thủ tục tố tụng:**

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Việc Ngân hàng TMCP EX ký kết hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế với ông Nguyễn Văn C, cấp cho ông C sử dụng thẻ tín dụng như một hình thức cho vay là hoạt động cấp tín dụng theo quy định tại Điều 3 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng. Nguyên đơn ngân hàng TMCP EX khởi kiện yêu cầu bị đơn Nguyễn Văn C phải trả số tiền còn nợ phát sinh từ hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng kèm giấy phát hành thẻ mà hai bên đã ký kết ngày 17/9/2015, mục đích là vay tiêu dùng. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng, quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên được xác định là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

[1.2] Thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn là ông Nguyễn Văn C, có nơi cư trú tại địa chỉ đường D, phường P, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, tranh chấp phát sinh giữa Ngân hàng TMCP EX với ông Nguyễn Văn C thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

[1.3] Về sự vắng mặt của bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, thể hiện bị đơn đã từ bỏ quyền và không chấp hành nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn C.

**[2] Về nội dung:** Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với khoản tiền dư nợ 56.096.809 đồng (bao gồm phí trễ hạn, phí vượt hạn mức, lãi và phí thường niên) tính đến ngày 23/3/2022:

Ngày 17/9/2015, giữa ông C và Ngân hàng có ký kết hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế để vay số tiền 50.000.000 đồng (hạn mức) trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, các chủ thẻ tham gia ký kết có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự. Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết có hình thức và nội dung phù hợp với Điều 117 Bộ luật Dân sự và các Điều 23, 27 và 28 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước nên có hiệu lực

đối với các bên đã tham gia giao dịch. Các chứng cứ mà nguyên đơn xuất trình như *Giấy đề nghị phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế và bản thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của Ngân hàng* là phù hợp với các quy định về phát hành và sử dụng thẻ tại Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng Nhà nước, đây là cơ sở để xác định ông C có quan hệ tín dụng với Ngân hàng EX.

Hội đồng xét xử thấy rằng, sau khi các bên ký kết hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã thực hiện việc cấp tín dụng để ông C sử dụng thẻ hạn mức 50.000.000 đồng cho mục đích tiêu dùng. Hai bên không có thắc mắc, khiếu nại gì về các nội dung và điều khoản của Hợp đồng cũng như việc sử dụng thẻ tín dụng để thanh toán, tiêu dùng. Ông C đã nhận thẻ và đã thực hiện nhiều giao dịch thanh toán, đồng thời cũng đã thanh toán cho Ngân hàng trong suốt quá trình sử dụng thẻ từ năm 2015 đến tháng 6/2021 đối với các khoản tiền giao dịch phát sinh dư nợ thẻ nhưng sau đó đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ của mình, vi phạm hợp đồng. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu buộc ông C phải trả khoản tiền dư nợ thẻ và toàn bộ lãi, phí phát sinh là có căn cứ và đúng pháp luật nên cần chấp nhận.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu buộc ông C thanh toán cho Ngân hàng tính đến ngày 23/3/2022 tổng số tiền là 56.096.809 đồng (bao gồm dư nợ kỳ trước 53.428.258 đồng, phí trễ hạn 1.054.157 đồng, phí vượt hạn mức 49.294 đồng, lãi 1.165.100 đồng và phí thường niên 400.000 đồng) và phải tiếp tục chịu lãi kể từ ngày 24/3/2022 cho đến khi thanh toán xong. HĐXX xét thấy: Sau khi được cấp thẻ tín dụng bị đơn ông Nguyễn Văn C đã sử dụng thẻ tín dụng để giao dịch mua hàng, rút tiền mặt, thanh toán trực tuyến với dư nợ đến tháng 6/2021 là 40.872.441 đồng. Từ tháng 6/2021 đến khi Ngân hàng khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án ông C cũng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Như vậy, bị đơn ông C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, vi phạm thỏa thuận tại *giấy phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế và bản thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của Ngân hàng* đã ký kết với Ngân hàng vào ngày 17/9/2015. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với ông C là có cơ sở và phù hợp với các điều khoản trong Giấy phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế ký kết ngày 17/9/2015 và bản thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của Ngân hàng cũng như phù hợp với quy định tại Điều 91 và khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là  $5\% \times 56.096.809 \text{ đồng} = 2.804.840$

đồng, theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP EX số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 26; 35; 39; 147; 227; 228; 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 117 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, khoản 1 Điều 95 và điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng;

Các Điều 13, 18, 23, 27 và 28 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

- Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1. Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần EX về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" đối với ông Nguyễn Văn C.

**2.** Buộc ông Nguyễn Văn C phải trả cho Ngân hàng TMCP EX tổng số tiền 56.096.809 đồng (bao gồm dư nợ kỳ trước 53.428.258 đồng, phí trễ hạn 1.054.157 đồng, phí vượt hạn mức 49.294 đồng, lãi 1.165.100 đồng và phí thường niên 400.000 đồng) tính đến ngày 23/3/2022.

Kể từ ngày 24/3/2022 ông Nguyễn Văn C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền dư nợ chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong tất cả khoản nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

**3.** Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.804.840 đồng (Hai triệu tám trăm lẻ bốn nghìn, tám trăm bốn mươi đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP EX số tiền tạm ứng án phí 1.150.000 đồng (một triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001621 ngày 23/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

**4. Quyền kháng cáo:** Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 20/4/2022.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Bàng**